

Bản án số: 34/2024/DS-ST
Ngày: 22-8-2024
V/v: “Tranh chấp chia tài sản chung,
chia thừa kế tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trương Thị Hương
- Bà Huỳnh Thị Thùy Trâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Minh Ngân, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Lê Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 15-16/8 và ngày 22/8/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2020/TLST-DS, ngày 10/11/2020 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung, chia di sản thừa kế tài sản”. theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2024/QĐST-DS, ngày 01/7/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 89/2024/QĐST – DS, ngày 22/7/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị Ch, sinh năm 1949; địa chỉ: Thôn P, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

Bà Ch ủy quyền cho bà Huỳnh Thị Kim G, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn P, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (theo giấy ủy quyền ngày 21/02/2022)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Huỳnh Thị Ch: Bà Hồng Thị Tr là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước - Sở Tư Pháp tỉnh Quảng Ngãi (theo Quyết định về việc cử Trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng số 358/QĐ -TG/PL ngày 12/11/2020 của Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi).

- **Bị đơn:** Ông Huỳnh Công Tr, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn P, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

Ông Tr ủy quyền cho anh Huỳnh Thanh B, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn P, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (theo giấy ủy quyền ngày 31/7/2024)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Huỳnh Công Tr

1/ Ông Huỳnh Tấn M là luật sư thực hiện trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước - Sở Tư Pháp tỉnh Quảng Ngãi (theo Quyết định về việc cử Trợ giúp viên pháp lý tham gia tổ tụng số 359/QĐ -TG/PL ngày 16/11/2020 của Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi).

2/ Bà Nguyễn Thị Bích Th là Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Tường Th; địa chỉ: 22/10 đường Lê Kt, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1957

2/ Bà Huỳnh Thị Kim G, sinh năm 1963

3/ Ông Huỳnh Ngọc A, sinh năm 1956

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Phổ N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

4/ Chị Huỳnh Thị Diễm Tr, sinh năm 1986; địa chỉ: Số nhà 68 đường Hùng V, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam;

5/ Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Nhật V; chức vụ: Giám đốc;

Địa chỉ: Số 544 đường Quang Tr, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

(Người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông A, bà G, bà Đ đều có mặt tại phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi và chị Tr vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Huỳnh Tấn M là luật sư thực hiện trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 04/11/2020; đơn khởi kiện ngày 23/3/2022, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ch trình bày:

Cha mẹ bà là cụ ông Huỳnh L (sinh năm 1921, chết năm 2008) và cụ bà Trần Thị N (chết năm 1967). Trong thời kỳ hôn nhân cha mẹ bà có bốn người con chung gồm: Huỳnh Thị Ch, Huỳnh Công Tr, Huỳnh Thị Đ và Huỳnh Thị Kim G. Khi mẹ bà chết, bà không lập gia đình mà sống chung với cha. Các em của bà lập gia đình và ra ở riêng. Năm 1979, cha bà tự khai hoang và tạo lập được mảnh vườn, trong đó ông sử dụng diện tích đất khoảng 80m² để làm nhà ở, phần còn lại để trồng cây lâu năm như mít, xoài, keo...

Ngày 15/11/2004, hộ gia đình cha bà được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 2380m² (trong đó có 400m² đất ở và 1980 m² đất vườn). Nay là thửa đất 367, tờ bản đồ số 20, tại xã Phổ Nhơn, diện tích 2453m² (trong đó có 400m² đất ở và 2053m² đất trồng cây hàng năm khác), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCNQSDĐ số H.03863 ngày

08/11/2006 và cùng năm 2004 hộ cha bà được cân đối đất theo nghị định 64/CP với diện tích 3.200m²; mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm khác, nay là thửa đất 698, tờ bản đồ số 20 xã Phở Nhon, diện tích 3.753m² và thửa đất số 609, tờ bản đồ số 13, diện tích 552m² tại Đồng Soi, xã Phở Nhon theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 719144, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H.03863, mục đích sử dụng đất là đất trồng lúa và thửa đất. Tại thời điểm Nhà nước cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu số S505477, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02230 QSDĐ/1625/QĐ-UB (H) đối với các thửa đất trên thì trong hộ gia đình ông Huỳnh L gồm có bà và cha bà. Năm 2003, vì nhà cũ của cha bà xây dựng bị xuống cấp sập đổ nên bà đã dùng tiền riêng của mình để xây dựng lại một ngôi nhà cấp 4 mới nằm ở giữa thửa đất 367. Ngôi nhà có diện tích khoảng 60m², đây là nơi ở của cha con bà, sau khi cha bà chết thì bà tiếp tục sinh sống và thờ cúng cha mẹ tại ngôi nhà này. Từ khi cha bà chết đến nay, bà là người trực tiếp sinh sống và quản lý các thửa đất trên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ch thay đổi yêu cầu khởi kiện so với nội dung các đơn khởi kiện mà bà Ch đã yêu cầu Tòa án giải quyết. Cụ thể, bà Huỳnh Thị Ch yêu cầu chia:

1. Đối với thửa đất số 367, tờ bản đồ số 20 diện tích đo đạc thực tế là 2499,3m²: Bà Ch yêu cầu được nhận 1.562 m² (trong đó có 250 m² đất ở và 1.312 m² đất trồng cây hàng năm khác); Chia cho ông Huỳnh Công Tr được nhận 312,4m² (trong đó có 50m² đất ở và 262,4m² đất trồng cây hàng năm khác); Chia cho bà Huỳnh Thị Đ được nhận 312,4m² (trong đó có 50m² đất ở và 262,4m² đất trồng cây hàng năm khác); Chia cho bà Huỳnh Thị Kim G được nhận 312,4m² (trong đó có 50m² đất ở và 262,4m² đất trồng cây hàng năm khác).

2. Đối với thửa đất số 698, tờ bản đồ số 20 diện tích đo đạc thực tế là 3.758,6 m²: Bà Ch yêu cầu chia thành 04 phần bằng nhau cho bà Huỳnh Thị Ch, ông Huỳnh Công Tr, bà Huỳnh Thị Đ và bà Huỳnh Thị Kim G mỗi người được nhận 939,65 m² đất trồng cây hàng năm khác.

3. Đối với thửa đất số 609, tờ bản đồ số 13, diện tích 552m² đất trồng lúa: Hiện nay thửa đất số 609, tờ bản đồ số 13 đã được UBND thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi có Quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhon. Theo đó, số tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi thửa đất 609, tờ bản đồ số 13 là 94.999.200 đồng (trong đó có tiền bồi thường cây lúa đang trồng tại thửa đất 609 khi Nhà nước thu hồi đất, giá trị bồi thường là 2.263.200 đồng. Cây lúa trên thửa đất số 609 các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ L thừa nhận là của bà Huỳnh Thị Kim G trồng. Do đó, số tiền 2.263.200đồng chi trả cho bà Huỳnh Thị Kim G; còn lại Bà Ch yêu cầu chia như sau: Bà Ch được $\frac{1}{2}$ tương đương số tiền 46.368.000đ; còn $\frac{1}{2}$ tương đương số tiền 46.368.000đ chia làm 04 kỹ phần bằng nhau cho 04 người con cụ thể: 46.368.000đ : 4 = 11.592.000đồng.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị Ch đã đóng các khoản chi phí tố tụng tổng số tiền là: 18.500.000đồng. Bà Ch không yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Đ và bà Huỳnh Thị Kim G hoàn trả lại cho bà chi phí tố tụng, bà yêu cầu ông Huỳnh Công Tr hoàn trả lại cho bà chi phí tố tụng tương ứng với kỹ phần ông Tr được nhận tại các thửa đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Huỳnh Công Tr trình bày: Ngày 16/4/2021 ông Huỳnh Công Tr có đơn phản tố cho rằng, di sản của cụ ông Huỳnh L còn có tiền, vàng và hiện nay do ông A, bà G, bà Đ, bà Ch và chị Tr đang giữ nên yêu cầu Tòa án buộc những người trên giao vàng, tiền để ông xây dựng nhà thờ để thờ cúng cha mẹ ông. Sau đó, ông đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố trên.

Tại phiên tòa, bị đơn thống nhất yêu cầu của nguyên đơn đối với di sản là thửa đất 367, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.499,3m² (trong đó có 400m² đất ở và 2099.3 m² đất trồng cây hàng năm khác) và thửa đất số 609, tờ bản đồ số 13, diện tích 552m² và đồng ý chia tài sản chung cho nguyên đơn được hưởng ½ tài sản trên phần ½ còn lại là di sản của cụ ông Huỳnh L thống nhất chia làm 04 phần cho 04 con.

Đối với thửa đất số 698, tờ bản đồ số 20 diện tích đo đạc thực tế là 3.758,6m²: Bị đơn thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa và yêu cầu được nhận phần đất ở phía nam thửa đất diện tích 939,65m² tương đương một kỹ phần mà bị đơn được nhận. Trên đất có cây keo bị đơn trồng năm 2020, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông sẽ tự nguyện chặt cây trả lại đất cho các đồng thừa kế khác khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với thửa đất 609, tờ bản đồ số 13, diện tích 552m² bị đơn đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Huỳnh Công Tr thống nhất chịu theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Kim G và bà Huỳnh Thị Đ trình bày:

Bà Đ và bà G thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ch. Bà Đ, bà G có nguyện vọng nhận phần di sản của mình được hưởng tại thửa đất số 367, tờ bản đồ số 20 bằng hiện vật; thửa đất lúa nhận tiền như yêu cầu của nguyên đơn.

Riêng phần di sản tại thửa đất 698, tờ bản đồ số 20. Tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị Đ và bà Huỳnh Thị Kim G yêu cầu được nhận kỹ phần thừa kế được hưởng bằng hiện vật là quyền sử dụng đất và hai bà đồng ý tặng cho phần đất mà mình được chia tại thửa đất số 698 cho bà Huỳnh Thị Ch.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tại phiên tòa ông Huỳnh Ngọc A thống nhất việc ông Huỳnh Công Tr rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

Tại biên bản trình bày ý kiến ghi ngày 23/10/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Huỳnh Thị Diễm Tr trình bày:

Đối với yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Công Tr về việc cho rằng chị lấy 01 chỉ vàng 97k đang đeo trên tay ông ngoại chị và số tiền 1.000.000đồng là không đúng. Bản thân chị và cha mẹ chị là ông A, bà G không biết và không chiếm lấy số tiền, vàng nêu trên nên đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Công Tr.

Tại biên bản làm việc ngày 30/11/2023 đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi trình bày:

Thửa đất số 609, tờ bản đồ số 13, diện tích 552,0m² xã Phổ Nhơn được nhà nước công nhận quyền sử dụng cho hộ cụ ông Huỳnh L vào năm 2004; hiện cụ ông Huỳnh L đã chết, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Huỳnh L yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế là quyền sử dụng thửa đất nêu trên, Tòa án đang trong quá trình giải quyết vụ án thì thửa đất trên được nhà nước thu hồi để thực hiện dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía đông giai đoạn 2021 – 2025 qua địa bàn xã Phổ Nhơn.

Tại Quyết định số 5607/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 (phương án đất nông nghiệp đợt 1) tại thửa đất số 609, tờ bản đồ số 13, diện tích 552,0m², loại đất LUC, với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là: 94.999.200 đồng (Trong đó: bồi thường về đất: 92.736.000 đồng, bồi thường cây cối, hoa màu: 2.263.200 đồng, hỗ trợ khác: 0 đồng).

Qua vận động của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, UBND xã P và các đơn vị liên quan; những người có quyền và nghĩa vụ liên quan hộ gia đình ông Huỳnh L thống nhất bàn giao mặt bằng để nhà nước thi công dự án, số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình đề nghị gửi vào Kho bạc nhà nước. Trên cơ sở đề nghị của gia đình, số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ cụ ông Huỳnh L (chết), Trung tâm đã gửi vào tài khoản tạm giữ của Kho bạc nhà nước. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật đề nghị những người được hưởng đến Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: Số 544 đường Quang Tr, phường Ng, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi để được chi trả tiền hỗ trợ theo quy định.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là bà Hồng Thị Tr trình bày ý kiến như sau:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ch thay đổi yêu cầu khởi kiện so với nội dung các đơn khởi kiện mà bà Ch đã yêu cầu Tòa án giải quyết, cụ thể tại phần trình bày của nguyên đơn, các đương sự khác cũng hoàn toàn thống nhất với yêu cầu trên của nguyên đơn, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự trong vụ án.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn là bà Nguyễn Thị Bích Th trình bày ý kiến như sau:

Thông nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đồng ý cách phân chia của các đồng thừa kế của cụ Huỳnh L như trên và yêu cầu Tòa án ghi nhận sự tự thỏa thuận trên của các đương sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa các đương sự đã thống nhất được cách chia và vị trí được chia nên cần ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, cụ thể:

+ Tại thửa đất số 367, các đương sự thỏa thuận: Chia $\frac{1}{2}$ của thửa 367 là tài sản chung của bà Ch, về đất ở là $400m^2$, chia bà Ch $200m^2$ đất ở; chia $\frac{1}{2}$ còn lại của thửa 367 và $200m^2$ đất ở cho 04 người con, mỗi người một kỹ phần, ông Huỳnh Công Tr được 01 kỹ phần ở phía Nam của thửa đất ($312,4m^2$, trong đó có $50m^2$ đất ở); tiếp theo sẽ chia cho bà Đ, bà Ch, bà G (chia tài sản chung và chia thừa kế theo pháp luật, bà C được $\frac{1}{2} = 1.249,5m^2$, trong đó có $200m^2$ đất ở và được chia thêm 01 kỹ phần = $312,4m^2$, trong đó $50m^2$ đất ở); Vì phần đất chia cho bà G nằm về phía Bắc của thửa đất không có đường đi nên bà Ch tự nguyện tặng cho bà G $100m^2$ đất trồng cây hàng năm khác để phần đất của bà G có đường đi là phù hợp với hiện trạng sử dụng đất.

+ Tại thửa đất số 698; có diện tích đo thực tế là $3.758m^2$: các đương sự thỏa thuận: chia làm 04 kỹ phần, mỗi người được một kỹ phần = $939,5m^2$; chia cho ông Tr ở phía Nam của thửa đất, phần còn lại chia cho ba người là bà Đ, bà G và bà Ch; Tuy nhiên bà Đ và bà G tặng cho kỹ phần của mình cho bà Ch nên ghi nhận sự tự nguyện này;

+ Tại Thửa 609, đã được bồi thường số tiền 94.999.920đ; trừ phần hoa màu trồng Lúa của bà G canh tác là: 2.263.200đ nên bà G được hưởng; chia đôi số tiền còn lại thì bà Ch được $\frac{1}{2}$, $\frac{1}{2}$ còn lại chia làm 4 kỹ phần, chia cho 04 người con nên cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của các đương sự;

Vật kiến trúc, cây trồng trên thửa 367 không ai tranh chấp nên không xem xét; Cây trồng trên thửa 698 của ông Tr trồng, phần cây trồng trên đất của ông Tr thì ông được hưởng, phần cây trồng trên đất bà Ch (cả phần được tặng cho) thì ông Tr tự nguyện thu dọn giao mặt bằng để các đương sự làm giấy tờ sở hữu;

Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự trong vụ án. Ngoài ra, các đương sự phải chịu án phí và chi phí tố tụng tương ứng với phần di sản được hưởng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Huỳnh Thị Ch khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, chia di sản thừa kế đối với quyền sử dụng đất tại thôn

P, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi nên Tòa án nhân dân thị xã Đ thụ lý, giải quyết vụ án “Tranh chấp về chia tài sản chung và thừa kế tài sản” là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tòa án đã triệu tập họp lệ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trung Tâm phát triển Quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi; chị Huỳnh Thị Diễm Tr nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Huỳnh Tấn M là luật sư thực hiện trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tranh chấp về chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản:

[2.1.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án có cơ sở xác định: Thửa đất 367, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.453m² (diện tích đo đạc thực tế là 2.499,3m²) (trong đó có 400m² đất ở và 2099,3m² đất trồng cây hàng năm khác), số vào sổ cấp GCNQSDĐ số H.03863 ngày 08/11/2006 và thửa đất số 609, tờ bản đồ số 13, diện tích 552m² tại Đồng Soi, Phổ Nhơn, Đức Phổ, Quảng Ngãi theo GCNQSDĐ số AH 719144, số vào sổ cấp GCNQSDĐ H.03863, mục đích sử dụng đất là đất trồng lúa được Nhà nước công nhận cho hộ cụ Huỳnh L, tại thời điểm Nhà nước công nhận thì hộ cụ Huỳnh L chỉ có cụ Huỳnh L và bà Huỳnh Thị Ch. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận 02 thửa đất nêu trên thuộc quyền quản lý, sử dụng của cụ Huỳnh L và bà Huỳnh Thị Ch. Do đó, quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 367 và thửa đất số 609 là tài sản chung của cụ Huỳnh L và bà Huỳnh Thị Ch nên bà Ch yêu cầu chia tài sản chung đối với hai thửa đất nêu trên và chia di sản thừa kế đối với ½ của hai thửa đất 367, 609 và toàn bộ thửa đất 698, tờ bản đồ số 20 diện tích đo đạc thực tế là 3.758,6m² cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ L là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.1.2] Về quan hệ thừa kế: Cụ bà Trần Thị N (chết năm 1967), cụ ông Huỳnh L (chết năm 2008); vợ chồng cụ L có 04 người con gồm các ông, bà: Huỳnh Thị Ch, Huỳnh Công Tr, Huỳnh Thị Đ và Huỳnh Thị Kim G. Ngoài ra, cụ L, cụ N không có con đẻ, con nuôi nào khác. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015, có đủ căn cứ xác định những người trong hàng thừa kế thứ nhất của cụ Huỳnh L gồm có 04 người là: Huỳnh Thị Ch, Huỳnh Công Tr, Huỳnh Thị Đ và Huỳnh Thị Kim G

[2.1.3] Về xác định di sản thừa kế của cụ Huỳnh L: Di sản thừa kế của cụ Huỳnh L để lại được hàng thừa kế thứ nhất của cụ L thống nhất thừa nhận gồm: ½ thửa đất số 367 tương đương diện tích 1.249,6m² (trong đó có 200m² đất ở và 1049,5m² đất trồng cây hàng năm khác); ½ thửa đất 609, loại đất LUA tương đương diện tích 276m² và toàn bộ thửa đất 698 có diện tích 3.758,6m².

[2.1.4] Về giá trị di sản thừa kế: Theo biên bản thỏa thuận giá ghi ngày 26/11/2020 và ngày 14/6/2024 các bên đương sự thỏa thuận giá như sau: Đất ở có giá 400.000đồng/m²; đất trồng cây hàng năm khác có giá 37.000đ/m² theo đó, đất ở có diện tích 200m² x 400.000đ = 80.000.000đồng; đất trồng cây hàng năm khác có tổng diện tích là 4.807,65m² x 37.000đ = 177.883.100đồng; giá trị phần di sản đất trồng lúa là 276m² được Nhà nước bồi thường khi thu hồi đất với số tiền là 46.368.000đồng. Do đó, giá trị phần di sản thừa kế của cụ Huỳnh L để lại là 304.251.100đồng

Do cụ Huỳnh L chết không để lại di chúc nên phần di sản thừa kế của cụ L sẽ được chia đều cho 04 đồng thừa kế trong hàng thừa kế thứ nhất của cụ L theo quy định của pháp luật, mỗi đồng thừa kế được hưởng 01 kỷ phần thừa kế, gồm: 50m² đất ở, có giá trị là 20.000.000đồng; 1.201,9m² đất trồng cây hàng năm khác, có giá trị là 44.470,762đồng; đất trồng lúa tương đương mỗi người được nhận có giá trị là 11.592.000đồng. Tổng giá trị mỗi kỷ phần thừa kế là 76.026.775đồng.

[2.1.5] Về phân chia tài sản chung và di sản thừa kế:

+ Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất xác định:

- Tài sản chung của cụ Huỳnh L và bà Huỳnh Thị Ch gồm: ½ thừa đất số 367 tương đương diện tích 1.249,6m² (trong đó có 200m² đất ở và 1.049,6m² đất trồng cây hàng năm khác); ½ thừa đất 609, loại đất LUA tương đương diện tích 276m²;

- Di sản thừa kế của cụ Huỳnh L để lại gồm: ½ Thừa đất số 367 tương đương diện tích 1.249,6m² (trong đó có 200m² đất ở và 1.049,6m² đất trồng cây hàng năm khác); ½ thừa đất 609, loại đất LUA tương đương diện tích 276m² và toàn bộ thừa đất 698 diện tích 3.758,6m².

+ Các đương sự tự nguyện thỏa thuận phân chia như sau:

- Đối với thừa đất số 367, tờ bản đồ số 20, diện tích đo thực tế là 2.499,3m²: Chia cho bà Huỳnh Thị Ch 1461,8m² (trong đó có 250m² đất ở và 1211,8m² đất trồng cây hàng năm khác); chia cho ông Huỳnh Công T, bà Huỳnh Thị Đ mỗi người được nhận 312,5m² (trong đó, có 50m² đất ở và 262,5m² đất trồng cây hàng năm khác); chia cho bà Huỳnh Thị Kim G được nhận 412,5m² (trong đó, có 50m² đất ở và 362,5m² đất trồng cây hàng năm khác). Do hiện trạng phần đất chia cho bà G nằm về phía Bắc của thừa đất không có đường đi nên bà Ch tự nguyện tặng cho bà G 100m² đất trồng cây hàng năm khác để phần đất của bà G có đường đi.

- Đối với thừa đất số 609 bản đồ số 13, diện tích 552m² đã được bồi thường số tiền 94.999.920đ; trừ số tiền 2.263.200đ tiền hỗ trợ hoa màu trên đất là của bà G nên bà G được hưởng; số tiền còn lại bà Ch được chia ½ tương đương số tiền 46.368.000đ; ½ số tiền còn lại chia đều cho 04 người con mỗi người được hưởng tương đương số tiền 11.592.000đ, theo đó bà Ch được chia số tiền là: 46.368.000đ + 11.592.000đ = 57.960.000đồng; ông Huỳnh Công Tr, bà

Huỳnh Thị Đ mỗi người được chia số tiền là: 11.592.000đ và bà Huỳnh Thị Kim G được chia số tiền là: $11.592.000 + 2.263.200đ = 13.855.200đ$ ồng

- Đối với thửa đất số 698, tờ bản đồ số 20 diện tích đo đạc thực tế là 3.758,6 m², chia đều cho 04 người con của cụ L gồm Ch, G, Tr và Đ mỗi người được nhận phần diện tích tương đương 939,65m². Bà Huỳnh Thị Đ và bà Huỳnh Thị Kim G xin nhận ký phần thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất và hai bà tự nguyện tặng cho phần đất mà mình được nhận tại thửa đất số 698 cho bà Huỳnh Thị Ch, bà Ch đồng ý nhận. Do vậy, HĐXX cần ghi nhận việc bà Đ, bà G mỗi người tặng cho bà Chi diện tích 939,65m², theo đó, bà Ch được nhận tổng diện tích là 2.818,95m².

Việc thỏa thuận phân chia tài sản chung và di sản thừa kế của bà Huỳnh Thị Ch, ông Huỳnh Công Tr, bà Huỳnh Thị Đ và bà Huỳnh Thị Kim G như trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với hiện trạng sử dụng đất nên HĐXX cần ghi nhận việc thỏa thuận phân chia tài sản chung và di sản thừa kế của các đương sự cụ thể:

1. Đối với thửa đất số 367, tờ bản đồ số 20 xã Phổ Nhơn:

- Giao cho bà Huỳnh Thị Ch được quyền quản lý, sử dụng phần đất ký hiệu F2, có diện tích 1.461,8m² (trong đó, có 250m² đất ở và 1.211,8m² đất trồng cây hàng năm khác) thuộc thửa đất số 367, tờ bản đồ số 20 xã Phổ Nhơn, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; phần đất bà Ch được giao có tứ cận: Phía Nam giáp phần đất chia cho bà Huỳnh Thị Đ, phía Bắc giáp đất chia cho bà Huỳnh Thị Kim G, phía Đông giáp đường đi và phía Tây giáp thửa đất 698. Trên đất có một ngôi nhà cấp 4C, diện tích xây dựng 24,6m².

- Giao cho bà Huỳnh Thị Kim G được quyền quản lý, sử dụng phần đất ký hiệu F1, có diện tích 412,5m² (trong đó, có 50m² đất ở và 362,5m² đất trồng cây hàng năm khác) thuộc thửa đất số 367, tờ bản đồ số 20 xã Phổ Nhơn, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; phần đất bà G được giao có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa đất 486, phía Nam giáp phần đất chia cho bà Huỳnh Thị Ch; phía Đông giáp đường đi và phía Tây giáp thửa 698.

- Giao cho bà Huỳnh Thị Đ được quyền quản lý, sử dụng phần đất ký hiệu F3, có diện tích 312,5m² (trong đó, có 50m² đất ở và 262,5m² đất trồng cây hàng năm khác) thuộc thửa đất số 367, tờ bản đồ số 20 xã Phổ Nhơn, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; phần đất bà Đ được giao có tứ cận: Phía Bắc giáp phần đất chia cho bà Huỳnh Thị Ch, phía Nam giáp đất chia cho ông Huỳnh Công Tr; phía Đông giáp đường đi và phía Tây giáp thửa đất 698.

- Giao cho ông Huỳnh Công Tr được quyền quản lý, sử dụng phần đất ký hiệu F4, có diện tích 312,5m² (trong đó, có 50m² đất ở và 262,5m² đất trồng cây hàng năm khác) thuộc thửa đất số 367, tờ bản đồ số 20 xã Phổ Nhơn, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; phần đất ông Tr được giao có tứ cận: Phía Bắc giáp phần đất chia cho bà Huỳnh Thị Đ, phía Nam giáp đất đường đi; phía Đông giáp đường đi và phía Tây giáp thửa đất 698.

2. Đối với thửa đất số 698, tờ bản đồ số 20 xã Phổ Nhơn:

- Giao cho bà Huỳnh Thị Ch được quyền quản lý, sử dụng phần đất ký hiệu A, có diện tích 2.818,95m² loại đất trồng cây hàng năm khác thuộc thửa đất số 698, tờ bản đồ số 20 xã Phổ Nhơn, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; phần đất bà Chn được giao có tứ cận: Phía Nam giáp phần đất chia cho ông Huỳnh Công Tr, Phía Bắc giáp phần đất đường đi và thửa 679, phía Đông giáp thửa 367, 486 và phía Tây giáp thửa 339, 679 và 396

- Giao cho ông Huỳnh Công Tr được quyền quản lý, sử dụng phần đất ký hiệu B, có diện tích 939,65m² loại đất trồng cây hàng năm khác thuộc thửa đất số 698, tờ bản đồ số 20 xã Phổ Nhơn, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; phần đất ông Trn được giao có tứ cận: Phía Bắc giáp phần đất chia cho bà Huỳnh Thị Ch, phía Nam giáp đất đường đi; phía Đông giáp thửa 367 và phía Tây giáp thửa 396.

3. Đối với số tiền 94.999.200đồng (là khoản tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi thửa đất 609, tờ bản đồ số 13, xã Phổ Nhơn); các bên đương sự thống nhất:

- Giao cho bà Huỳnh Thị Ch được nhận số tiền là: 46.368.000đ + 11.592.000đ = 57.960.000đồng.

- Giao cho ông Huỳnh Công Tr, bà Huỳnh Thị Đ mỗi người được nhận số tiền là: 11.592.000đồng.

- Giao cho bà Huỳnh Thị Kim G được nhận số tiền là: 11.592.000 + 2.263.200đ = 13.855.200đồng.

[2.2] Đối với tài sản gắn liền với đất:

[2.2.1] Một căn nhà cấp 4C, diện tích xây dựng 24,6m² (móng đá, tường gạch tô trét xi măng, xà gồ gỗ) do bà Huỳnh Thị Ch xây dựng và một căn nhà đã hư hỏng, không còn giá trị sử dụng gắn liền với thửa đất 367, các đương sự thống nhất giao căn nhà cấp 4C, diện tích xây dựng 24,6m² cho bà Ch sử dụng; trên đất còn có một số cây lâu năm, các bên đương sự thống nhất số cây nằm trên phần đất của ai được giao thì người đó được hưởng, không ai tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết;

[2.2.2] Trên thửa đất số 698 có cây keo do ông Tr trồng từ năm 2000, các đương sự thống nhất khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Tr tự nguyện thu dọn toàn bộ cây trồng, trả lại mặt bằng cho các đồng thừa kế khác nên cần ghi nhận sự tự nguyện trên của các đương sự.

[2.3] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Công Tr: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Tr đã thống nhất rút toàn bộ phần yêu cầu phản tố. HĐXX xét thấy, việc rút toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn là tự nguyện không trái pháp luật nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu phản tố về việc chia di sản của cụ ông Huỳnh L là tiền, vàng.

[3] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc là 18.500.000đồng. Bà Huỳnh Thị Ch phải chịu 8.937.500đồng; các ông, bà: Huỳnh Công Tr, Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Thị Kim G, mỗi người phải chịu 3.187.500đồng.

Bà Huỳnh Thị Ch đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc với số tiền là 18.500.000đồng và đã chi phí xong nên các ông, bà: Huỳnh Công Tr, Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Thị Kim G, mỗi người phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Ch số tiền 3.187.500đồng. Tuy nhiên, bà Ch tự nguyện chịu số tiền chi phí tố tụng cho bà Đ, bà G nên bà Đ, bà G không phải trả lại số tiền nêu trên cho bà Ch.

[4] Về án phí: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Huỳnh Thị Ch, ông Huỳnh Công Tr, bà Huỳnh Thị Đ, bà Huỳnh Thị Kim G, đều là người cao tuổi, đã có đơn đề nghị miễn án phí hợp lệ, nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 157, 158, 165, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 207, 213, 219, 609, 610, 611, 612, 613, 616, 623, 649, 650 và 651 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ch về việc chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản.

1.1. Ghi nhận việc các đương sự thống nhất xác định:

+ Tài sản chung của cụ Huỳnh L và bà Huỳnh Thị Ch gồm: ½ thửa đất số 367 tương đương diện tích 1.249,6m² (trong đó có 200m² đất ở và 1.049,6m² đất trồng cây hàng năm khác); ½ thửa đất 609, loại đất LUA tương đương diện tích 276m²;

+ Di sản thừa kế của cụ Huỳnh L gồm: ½ Thửa đất số 367 tương đương diện tích 1.249,6m² (trong đó có 200m² đất ở và 1.049,6m² đất trồng cây hàng năm khác); ½ thửa đất 609, loại đất LUA tương đương diện tích 276m² và toàn bộ thửa đất 698 diện tích 3.758,6m².

1.2. Ghi nhận sự tự nguyện phân chia của các bên đương sự cụ thể:

+ Đối với thửa đất số 367, tờ bản đồ số 20, diện tích đo thực tế là 2.499,3m²:

- Giao cho bà Huỳnh Thị Ch được quyền quản lý, sử dụng phần đất ký hiệu F2, có diện tích 1.461,8m² (trong đó, có 250m² đất ở và 1.211,8m² đất trồng cây hàng năm khác) thuộc thửa đất số 367, tờ bản đồ số 20 xã Phổ Nhơn, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; phần đất bà Ch được giao có tứ cận: Phía Nam giáp phần đất chia cho bà Huỳnh Thị Đ, phía Bắc giáp đất chia cho bà Huỳnh Thị Kim G, phía Đông giáp đường đi và phía Tây giáp thửa đất 698. Trên đất có một ngôi nhà cấp 4C, diện tích xây dựng 24,6m².

- Giao cho bà Huỳnh Thị Kim G được quyền quản lý, sử dụng phần đất ký hiệu F1, có diện tích 412,5m² (trong đó, có 50m² đất ở và 362,5m² đất trồng cây hàng năm khác) thuộc thửa đất số 367, tờ bản đồ số 20 xã Phổ Nhơn, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; phần đất bà G được giao có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa đất 486, phía Nam giáp phần đất chia cho bà Huỳnh Thị Ch; phía Đông giáp đường đi và phía Tây giáp thửa 698.

- Giao cho bà Huỳnh Thị Đ được quyền quản lý, sử dụng phần đất ký hiệu F3, có diện tích 312,5m² (trong đó, có 50m² đất ở và 262,5m² đất trồng cây hàng năm khác) thuộc thửa đất số 367, tờ bản đồ số 20 xã Phổ Nhơn, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; phần đất bà Đ được giao có tứ cận: Phía Bắc giáp phần đất chia cho bà Huỳnh Thị Ch, phía Nam giáp đất chia cho ông Huỳnh Công Tr; phía Đông giáp đường đi và phía Tây giáp thửa đất 698.

- Giao cho ông Huỳnh Công Tr được quyền quản lý, sử dụng phần đất ký hiệu F4, có diện tích 312,5m² (trong đó, có 50m² đất ở và 262,5m² đất trồng cây hàng năm khác) thuộc thửa đất số 367, tờ bản đồ số 20 xã Phổ Nhơn, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; phần đất ông Tr được giao có tứ cận: Phía Bắc giáp phần đất chia cho bà Huỳnh Thị Đ, phía Nam giáp đất đường đi; phía Đông giáp đường đi và phía Tây giáp thửa đất 698.

+ Đối với thửa đất số 698, tờ bản đồ số 20 xã Phổ Nhơn:

- Giao cho bà Huỳnh Thị Ch được quyền quản lý, sử dụng phần đất ký hiệu A, có diện tích 2.818,95m² loại đất trồng cây hàng năm khác thuộc thửa đất số 698, tờ bản đồ số 20 xã Phổ Nhơn, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; phần đất bà Ch được giao có tứ cận: Phía Nam giáp phần đất chia cho ông Huỳnh Công Tr, phía Bắc giáp phần đất đường đi và thửa 679, phía Đông giáp thửa 367, 486 và phía Tây giáp thửa 339, 679 và 396

- Giao cho ông Huỳnh Công Tr được quyền quản lý, sử dụng phần đất ký hiệu B, có diện tích 939,65m² loại đất trồng cây hàng năm khác thuộc thửa đất số 698, tờ bản đồ số 20 xã Phổ Nhơn, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; phần đất ông Tr được giao có tứ cận: Phía Bắc giáp phần đất chia cho bà Huỳnh Thị Ch, phía Nam giáp đất đường đi; phía Đông giáp thửa 367 và phía Tây giáp thửa 396.

+ Ghi nhận việc ông Huỳnh Công Tr sẽ tự thu dọn toàn bộ cây keo trồng trên thửa đất số 698 giao lại mặt bằng cho các đồng thừa kế khác khi bản án có hiệu lực pháp luật.

(Phần đất chia cho các bên có sơ đồ bản vẽ kèm theo và là một bộ phận không tách rời của bản án).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự được quyền đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất theo phần quyết định của bản án này tại Cơ quan đăng ký đất đai có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai.

+ Đối với số tiền 94.999.200đồng:

- Giao cho bà Huỳnh Thị Ch được nhận số tiền là: 57.960.000đồng (*Năm mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng*).

- Giao cho ông Huỳnh Công Tr, bà Huỳnh Thị Đ mỗi người được nhận số tiền là: 11.592.000đồng (*Mười một triệu năm trăm chín mươi hai nghìn đồng*)

- Giao cho bà Huỳnh Thị Kim G được nhận số tiền là: 13.855.200đồng (*Mười ba triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm đồng*).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nhưng người được hưởng số tiền trên liên hệ với Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi để nhận số tiền mình được giao.

2/ Đình chỉ xét xử đối với toàn bộ phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Công Tr về việc chia di sản của cụ ông Huỳnh L là tiền, vàng.

3/ Về chi phí tố tụng: Bà Huỳnh Thị Ch đã nộp và chi phí xong, ông Huỳnh Công Tr có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Ch số tiền chi phí tố tụng 3.187.500đồng (*Ba triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4/ Về án phí: Bà Huỳnh Thị Ch, ông Huỳnh Công Tr, bà Huỳnh Thị Đ, bà Huỳnh Thị Kim G, đều là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí hợp lệ nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị Kim G số tiền 525.000đồng (*Năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006671, ngày 10/3/2021 của Chi cục thi hành án thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

5/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (22/8/2024); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đ;
- Chi Cục THADS thị xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Vân

